TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 156/2026/QĐST- HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 09 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 35; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/11UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 189/2025/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trịnh Ngọc T - sinh ngày 25/02/1991.

Số CCCD: 038091018054

Địa chỉ: phường T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị B - sinh ngày 04/11/1995

Số CCCD: 038195041802

Địa chỉ: phường T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30 tháng 01 năm 2026, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân gia đình, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 27/10/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nên hay xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh T và chị B thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B.

[2] Về con chung: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B thống nhất: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trịnh Lê Ngọc H - sinh ngày 16/12/2018 và và cháu Trịnh Ngọc B1 - sinh ngày 02/3/2022.

Ly hôn anh T và chị B thỏa thuận, thống nhất: Giao cả hai con chung là cháu Ngọc H và Ngọc B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi cháu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) một tháng; hai cháu là 10.000.000đ (M*ười triệu đồng*) một tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi các cháu Ngọc H và Ngọc B1 đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Ngọc T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc thỏa thuận nuôi con của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên công nhận.

[3] Về tài sản và công nợ: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B thỏa thuận: Anh T chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Ngọc Thành và chị Lê Thị Bắc.

- Về con chung:Công nhận cháu Trịnh Lê Ngọc H - sinh ngày 16/12/2018 và cháu Trịnh Ngọc B1 - sinh ngày 02/3/2022 là con chung của anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B.

Giao cả hai con chung là cháu Ngọc H và Ngọc B1 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B mỗi cháu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) một tháng; hai cháu là 10.000.000đ (M*ười triệu đồng*) một tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi các cháu Ngọc H và Ngọc B đủ 18 tuổi.

Anh Trịnh Ngọc T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung và nợ chung*:* Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trịnh Ngọc T và chị Lê Thị B thỏa thuận: Anh Trịnh Ngọc T chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh T đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng lệ phí ký hiệu BLTU/26E số 0000445 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh Trịnh Ngọc T đã nộp đủ lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND khu vực 1 - Thanh Hóa;
- Phòng THADS khu vực 1 - Thanh Hóa;
- UBND phường T, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy